TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2019/HS-PT
Ngày: 04- 10- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Võ Đ, Lê G do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Võ Đ,** sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp X, xã T1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ N (đã chết) và bà Nguyễn Đ, sinh năm 1939 (sống); có vợ và có 03 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 21- 7- 2017; Tạm giam: Ngày 30- 7- 2017; Trả tự do tại phiên tòa ngày 30- 3- 2018; bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. **Lê G**, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp Long A, xã Phú A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B, sinh năm 1950 (sống) và bà Dương Thị V, sinh năm 1960 (sống); có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 21- 7- 2017; tạm giam: Ngày 30- 7- 2017; trả tự do tại phiên tòa ngày 30- 3- 2018; bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T hành nghề chạy xe ôm (xe đò), thường xuyên chở thuê cho ông Ngô Văn T2 nên làm quen với ông T2 và biết ông T2 muốn tìm bạn gái làm quen nên T giới thiệu cho ông T2 làm quen với Lê G là bạn của T1.

Đến khoảng 17 giờ ngày 04- 7- 2017, Nguyễn Văn T đến quán cafe Vũ D thuộc ấp 1, xã Mỹ L1, huyện l, tỉnh Đồng Tháp để uống nước cùng với Nguyễn Văn B, Trần Văn L, Võ Đ, Lê G, Bùi Thị Bé B1, tất cả là bạn bè quen biết với T. Tại đây, T rủ B, L, Đến, Gấm, Bé Ba tổ chức cho Gấm vào phòng nghỉ cùng với ông T2 giả vờ bán dâm để vào đánh ghen quay phim lại để tống T ông T2 thì tất cả đồng ý. Lúc này, Nguyễn Văn B phân công nhiệm vụ cụ thể:

- Nguyễn Văn T có nhiệm vụ chở ông T2 và Gấm đến phòng trọ để G giả vờ bán dâm cho ông T2.

- Lê G khi vào phòng với ông T2 thì gài chốt cửa hờ, cởi quần áo ngoài (còn đồ lót bên trong), nằm trên giường với ông T2, sau đó nhắn tin cho Đ cùng đồng bọn vào đánh ghen.

- Võ Đ đóng giả làm chồng của G vào phòng đánh vào mặt G một cái, đồng thời chửi thề nói lớn tiếng như đang đánh ghen.

- Bùi Thị B1 được phân công vai là vợ của B và là chị của G có nhiệm vụ vào can ngăn không cho Đ tiếp tục đánh G và nói "Chồng em thương em cỡ nào em biết không?" và lấy điện T2 của ông T2 cất giấu không cho ông T2 gọi về nhà hay báo Công an.

- Trần Văn L thì dùng điện T2 quay phim lại toàn bộ sự việc đánh ghen.

- Nguyễn Văn B đóng vai làm chồng của B1.

Sau khi bàn bạc thống nhất với nhau thì tất cả ra về.

Đến khoảng 19 giờ ngày 08- 7- 2017, tất cả hẹn và gặp nhau tại quán cà phê Điểm H để chuẩn bị thực hiện hành vi theo kế hoạch đã sắp đặt. Lúc này, T điều khiển xe biển số 66P1- 750.8XX đến nhà ông T2, chở ông T2 đến phòng trọ số 02 của nhà trọ Lê N1 thuộc ấp X, xã H, huyện L rồi quay lại chở G đến gặp ông T2 và thông báo cho những người trong nhóm biết số phòng của G và ông T2 đã vào.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, B điều khiển xe mô tô biển số 55Y7- 8359 chở B1, Đ thì điều khiển xe mô tô biển số 66P1- 814.XX chở L đến Nhà trọ nhưng đứng bên ngoài chờ G ra tín hiệu để vào. Đúng như kế hoạch, G vào phòng cởi quần áo ngoài, khi thấy ông T2 cởi hết quần áo thì G dùng số điện T2 09380800XXX nhắn tin vào số điện T2 01695179XXX của Đ kêu vào đi, Đ đập cửa phòng vào trước, B, L, B1 lần lượt vào sau. Khi vào phòng thấy G chỉ

mặc quần áo lót, còn ông T2 thì không mặc gì đang cùng nằm trên giường, Đ liền giả vờ chửi thề lớn tiếng rồi tát vào mặt G 01 cái và nói nhiều câu lớn tiếng, B1 can ngăn Đ không cho đánh G nữa và nói "Chồng em thương em cỡ nào em biết không?", L thì dùng điện T2 hiệu OPPO của B1 và điện T2 Samsung SM-G530H màu trắng của L để quay Video Clip, B cũng dùng điện thoại Iphone 4 của B quay Video Clip. Trong lúc L và B quay phim, B1 thấy điện thoại Nokia 1280 trị giá 150.000 đồng của ông T2 đang để trên giường nên lấy cất vào trong túi. Sau khi quay Video Clip xong, B1 đưa áo cho G và ông T2 mặc vào. Lúc này, B dùng tay móc túi áo và túi quần của ông T2 lấy được số T 400.000 đồng rồi đưa cho B1 cất giữ thì anh Lê Quang C là chủ nhà trọ đến can ngăn và báo Công an xã đến giải quyết thì cả nhóm rời khỏi hiện trường rồi cùng đến quán cafe bà N2 gần cầu Sông N3 thuộc xã L1, huyện L. Tại đây, G cầm 400.000 đồng chiếm đoạt được của ông T2 chia cho B 100.000 đồng, B1 250.000 đồng (B1 cất giữ 70.000 đồng, đưa lại cho L 180.000 đồng cùng 01 điện thoại của ông T2), L đưa cho T số T 80.000 đồng cùng với chiếc điện thoại của ông T2.

Trong khoảng thời gian từ ngày 12 tháng 7 đến ngày 21- 7- 2017, T, B, L dùng Clip đã quay được tiếp tục điện thoại gặp trực tiếp ông T2 đe dọa sẽ đưa đoạn Clip quay được lên mạng để buộc ông T2 đưa 3.000.000 đồng, nhưng do không có đủ T nên ông T2 chỉ đưa trước cho L số T 200.000 đồng, đưa cho T số T 900.000 đồng. L, T lấy tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 21- 7- 2017, L đến nhà ông T2 tiếp tục nhận số T 1.500.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-G530H, màu trắng, sim số 016325411XXX; 01 xe mô tô biển số 66L5- XXXX hiệu Untimo, màu trắng hồng của L; 01 xe mô tô hiệu Wand biển số 66H6- 9XXX, 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xám đen, sim số 01683XXX17XX của T; 01 điện thoại di động Samsung J2 Prime, màu hồng, sim số 093808XXX của G; 01 điện thoại di động OPPo F1s, màu hồng của B1; 01 điện thoại di động Masstel A116, màu đỏ đen, sim số 0169XXX79141, 01 điện thoại di động Samsung SM- C1313HZ, màu đen của Đ.

Ngày 19- 9- 2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Công an huyện L tiến hành định giá chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 màu đen xám chiếm đoạt được của ông T2 trị giá 150.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, ông Ngô Văn T2 yêu cầu L, T, B1, G, Đ, B hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 3.000.000 đồng và điện thoại Nokia 1280 màu đen. Các bị cáo đã hoàn trả cho ông T2 được số tiền là 600.000 đồng cộng với số tiền thu giữ trong ngày bắt quả tang là 1.500.000 đồng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện l đã trao trả cho ông T2 số T 2.100.000 đồng cùng điện thoại di

động Nokia 1280 màu đen, ông T2 tiếp tục yêu cầu trả lại số tiền 900.000 đồng mà T đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Bị cáo Đ đã bồi thường thay cho T số tiền 500.000 đồng theo Biên lai số 001972 ngày 15- 3- 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện l.

Đối với các điện thoại di động hiệu Samsung SM- G1313HZ màu đen của Đến không liên quan đến hành vi phạm tội, điện thoại Samsung J2 prime màu hồng của G mượn của anh Phạm L2, xe mô tô biển số 66L5- XXXX do L mượn của chị Võ Thị T3, xe mô tô biển số 66H6- XXXX do T mượn của chị ruột Nguyễn Thị TT4 hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả vật chứng trên xong.

Tại Bản án số 20/2019/HS-ST ngày 21- 6- 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Đ, Lê G cùng phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21- 7- 2017 đến ngày 30- 3- 2018.

Xử phạt bị cáo Lê G 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21- 7- 2017 đến ngày 30- 3- 2018.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Đ và Lê G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, các bị cáo Võ Đ, Lê G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Đ, Lê G thừa nhận hành vi vi phạm, thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai nhưng các bị cáo thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là nặng nên các bị cáo làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, vì hiện nay bị cáo Đ và bị cáo G đã là vợ chồng đang nuôi con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo Đ là lao động chính trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài

sản" theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội có tổ chức, trong đó vai trò của các bị cáo là quan trọng, mang tính chất quyết định cho việc cấu thành tội phạm, hành vi các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, đủ sức răn đe, phòng ngừa và giáo dục bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ và G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Võ Đ, Lê G không tranh luận. Tại nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện nuôi nấng, dạy dỗ cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HS-ST ngày 21- 6- 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử các bị cáo Võ Đ, Lê G về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Trong vụ án này, các bị cáo Võ Đ, Lê G cùng với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Trần Văn L, Bùi Thị B1 đã cùng bàn bạc, phân công vai trò để thực hiện hành vi tạo cớ, đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Ngô Văn T2. Trong đó Nguyễn Văn T thực hiện vai trò chủ mưu, rủ rê, lôi kéo Đ, G và những người khác cùng thực hiện tội phạm, Nguyễn Văn B "đạo diễn" phân công vai trò cho từng người, trong đó bị cáo Lê G giữ vai trò thực hành chính, G chính là mục tiêu để thu hút ông T2, G có nhiệm vụ khi vào phòng thì gài chốt cửa hờ, cởi quần áo ngoài, nằm trên giường với ông T2, sau đó nhắn tin cho những người khác vào phòng dàn cảnh quả tang. Như vậy, nếu không có vai trò của G thì tội phạm không thực hiện được, Võ Đ đóng vai làm chồng của G vào đánh gen để uy hiếp ông T2, vai trò của Đ cũng là vai trò thực hành và rất quan trọng, bởi vì nếu không có vai trò làm chồng của Đ thì sự việc tạo cớ đánh gen sẽ không diễn ra, vai trò của L là thực hành thể hiện bằng việc quay phim toàn bộ vụ việc để làm chứng cứ đe dọa chiếm đoạt tài sản của ông T2, B1 đóng vai vợ của B và là chị của G góp phần cho việc đánh gen diễn ra như thật. Như vậy, đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là phạm tội có tổ chức, tuy Võ Đ và Lê G giữ vai trò thực hành nhưng đây là vai trò rất quan trọng, không phải là vai trò thứ yếu, đồng thời các bị cáo phạm tội đối với ông T2 là người trên 70 tuổi, đây là tình tiết tăng nặng mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm. Vì vậy, mặc dù các bị cáo Võ Đ, Lê G có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự nhưng các bị cáo cũng có tình tiết tăng nặng theo điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và xét tính chất. mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hậu quả tội phạm gây ra, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo mức án mỗi bị cáo 03 năm tù là phù hợp. Xét kháng cáo của bị cáo Võ Đ xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo với lý do gia đình bị cáo có công với nước, bị cáo là lao động chính, kháng cáo của bị cáo Lê G xin hưởng án treo do nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, Hội đồng xét xử thấy rằng các tình tiết giảm nhẹ này Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo. Ngoài ra, ở cấp phúc thẩm, bị hại là ông Ngô Văn T2 có xác nhận đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] Do kháng cáo của các bị cáo Võ Đ, Lê G không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Đ, Lê G.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Võ Đ, Lê Thị G.

Tuyên bố các bị cáo Võ Đ, Lê Thị G phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21- 7- 2017 đến ngày 30- 3- 2018.

Xử phạt bị cáo Lê G 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21- 7- 2017 đến ngày 30- 3- 2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Đ và bị cáo Lê G.

Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Võ Đ, Lê G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
-TA-VKS-THADS huyện L;
-CQCSĐT Công an huyện L;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh